



fēng huà

疯话

noun · nonsense, ravings

Example Sentences

bié tīng tā de fēng huà

别听他的疯话。

Don't listen to his nonsense.

tā hē zuì le yī zhí zài shuō fēng huà

他喝醉了，一直在说疯话。

He got drunk and kept talking nonsense.

zhè xiē fēng huà tīng qǐ lái háo wú luó jí méi rén huì dàn g zhen

这些疯话听起来毫无逻辑，没人会当真。

These ravings sound completely illogical; no one takes them seriously.

Trace each character, then write the word on your own.

疯	疯	疯	疯	疯	疯	疯	疯	疯	疯	疯
疯										

话	话	话	话	话	话	话	话	话	话	话